

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Vũ Thị Liên Minh

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235, 244 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 207/2020TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ 8, phường Q, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Phùng Văn B, sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ 6, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bị đơn ông Phùng Văn B: Luật sư Lưu Bình D, Tư vấn viên, Trung tâm tư vấn pháp luật và chính sách, Viện khoa học chính sách và pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần tập đoàn Tiến B

Địa chỉ: Ngõ 1, đường B, tổ 2, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện: Ông Phùng Văn Th, sinh năm 1979, Tổng giám đốc

2. Ông Phùng Văn Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ 1, phường T, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Bích H với ông Phùng Văn B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Bích H và ông Phùng Văn B xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Hiểu Gi sinh ngày 08/9/2006 và Phùng Hiểu M, sinh 27/4/2009.

- Sau khi ly hôn giao bà Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phùng Hiểu Gi sinh ngày 08/9/2006 và Phùng Hiểu M, sinh 27/4/2009 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ông Phùng Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Ông Phùng Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng một lần nuôi 02 con chung Phùng Hiểu Giang, sinh ngày 08/9/2006 và Phùng Hiểu Mẫn, sinh 27/4/2009 là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) và cấp dưỡng nuôi 02 con định kỳ hàng tháng là 15.000.000 đồng/ một tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. *Về tài sản chung vợ chồng:* Bà Trần Thị Bích H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng, hai bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Trần Thị Bích H đối với ông Phùng Văn B. Các đương sự có quyền nhận lại tài liệu chứng cứ (nếu có yêu cầu) và có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.4. *Về án phí:* Bà Trần Thị Bích H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002853 ngày 13/3/2020 của

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên; Ông Phùng Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; Hoàn trả bà Trần Thị Bích H 20.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai thu số 0002853 ngày 13/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quý Sửu